

Số: 3407 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 30 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê diện tích
bán hàng của 95 lô, sạp tại chợ An Nhơn, thị xã An Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của UBND thị xã An Nhơn tại Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 28/6/2024; ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Báo cáo số 199/BC-STC ngày 27/9/2024 và Tờ trình số 385/TTr-STC ngày 27/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) để đấu giá cho thuê diện tích bán hàng của 95 lô, sạp tại chợ An Nhơn (các lô, sạp còn lại sau khi di dời tiểu thương từ chợ Bình Định sang chợ An Nhơn) thị xã An Nhơn chu kỳ (05 năm); chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND thị xã An Nhơn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác đấu giá cho thuê diện tích bán hàng của 95 lô, sạp tại chợ An Nhơn và quản lý, sử dụng nguồn thu từ tiền trúng đấu giá theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị thu giá dịch vụ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn cụ thể về nghĩa vụ thuế và hóa đơn giá dịch vụ theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TH, PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ CHO THUÊ DIỆN TÍCH BÁN HÀNG CỦA 95 LÔ, SẠP TẠI CHỢ AN NHƠN (CÁC LÔ, SẠP CÒN LẠI SAU KHI DI DỜI TIỂU THƯƠNG TỪ CHỢ BÌNH ĐỊNH SANG CHỢ AN NHƠN), THỊ XÃ AN NHƠN CHU KỲ 05 NĂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô, sạp	Số lượng (lô)	Diện tích (m ² /lô)	Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê do UBND thị xã An Nhơn đề nghị (đã bao gồm thuế GTGT)			Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) phê duyệt (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
				(đồng/m2/tháng)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/lô/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	
I	Khu chợ chính	56						
1	8	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
2	9	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
3	10	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
4	21	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
5	22	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
6	104	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
7	105	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
8	106	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
9	107	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
10	108	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
11	109	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
12	110	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
13	111	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
14	112	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
15	113	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường

[Signature]

STT	Ký hiệu lô, sạp	Số lượng (lô)	Diện tích (m ² /lô)	Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) do UBND thị xã An Nhơn đề nghị (đã bao gồm thuế GTGT)			Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) phê duyệt (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
				(đồng/m2/tháng)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/lô/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	
16	114	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
17	115	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
18	116	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
19	117	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
20	118	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
21	119	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
22	120	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
23	174	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
24	175	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
25	179	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
26	181	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
27	182	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
28	183	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
29	184	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
30	185	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
31	186	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
32	187	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
33	188	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
34	189	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
35	190	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường

STT	Ký hiệu lô, sạp	Số lượng (lô)	Diện tích (m ² /lô)	Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) do UBND thị xã An Nhơn đề nghị (đã bao gồm thuế GTGT)			Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) phê duyệt (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
				(đồng/m2/tháng)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/lô/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	
36	191	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
37	192	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
38	193	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
39	194	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
40	195	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
41	196	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
42	197	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
43	198	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
44	205	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
45	206	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
46	207	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
47	208	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
48	210	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
49	211	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
50	223	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
51	224	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
52	225	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
53	226	1	9,0	59.000	3.540.000	31.860.000	3.540.000	Lô thường
54	228	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
55	235	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc



STT	Ký hiệu lô, sạp	Số lượng (lô)	Diện tích (m ² /lô)	Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) do UBND thị xã An Nhơn đề nghị (đã bao gồm thuế GTGT)			Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) phê duyệt (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
				(đồng/m2/tháng)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/lô/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	
56	271	1	9,0	65.000	3.900.000	35.100.000	3.900.000	Lô góc
II	Lán chợ	39						
1	Khu 4C	7						
1.1	21	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
1.2	7	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
1.3	48	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
1.4	111	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
1.5	112	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
1.6	114	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
1.7	228	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2	Khu 4B	13						
2.1	175	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.2	180	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.3	199	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.4	242	1	6,25	48.000	2.880.000	18.000.000	2.880.000	Lô thường
2.5	259	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.6	261	1	6,25	48.000	2.880.000	18.000.000	2.880.000	Lô thường
2.7	264	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.8	269	1	6,25	48.000	2.880.000	18.000.000	2.880.000	Lô thường
2.9	412	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc

STT	Ký hiệu lô, sạp	Số lượng (lô)	Diện tích (m ² /lô)	Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) do UBND thị xã An Nhơn đề nghị (đã bao gồm thuế GTGT)			Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) phê duyệt (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
				(đồng/m2/tháng)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/lô/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	
2.10	433	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.11	447	1	6,25	53.000	3.180.000	19.875.000	3.180.000	Lô góc
2.12	417	1	6,25	48.000	2.880.000	18.000.000	2.880.000	Lô thường
2.13	418	1	6,25	48.000	2.880.000	18.000.000	2.880.000	Lô thường
3	Khu 4A	19						
3.1	457	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.2	458	1	10,0	48.000	2.880.000	28.800.000	2.880.000	Lô thường
3.3	459	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.4	460	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.5	461	1	10,0	48.000	2.880.000	28.800.000	2.880.000	Lô thường
3.6	462	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.7	463	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.8	464	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.9	465	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.10	466	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.11	467	1	10,0	48.000	2.880.000	28.800.000	2.880.000	Lô thường
3.12	468	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.13	516	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.14	517	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.15	521	1	10,0	48.000	2.880.000	28.800.000	2.880.000	Lô thường

STT	Ký hiệu lô, sạp	Số lượng (lô)	Diện tích (m ² /lô)	Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) do UBND thị xã An Nhơn đề nghị (đã bao gồm thuế GTGT)			Giá khởi điểm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng của 95 lô, sạp còn lại (sau khi di dời) tại chợ An Nhơn (cho cả chu kỳ thuê) phê duyệt (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
				(đồng/m2/tháng)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/lô/cả chu kỳ thuê 05 năm)	(đồng/m2/cả chu kỳ thuê 05 năm)	
3.16	504	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.17	506	1	10,0	48.000	2.880.000	28.800.000	2.880.000	Lô thường
3.18	510	1	10,0	53.000	3.180.000	31.800.000	3.180.000	Lô góc
3.19	512	1	10,0	48.000	2.880.000	28.800.000	2.880.000	Lô thường
	Tổng cộng	95						

Handwritten signature